

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HS-PT

Ngày: 26 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Hoài Thủy và bà Hoàng Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử hình sự Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2026/TLPT-HS ngày 30/7/2026, do kháng cáo của bị cáo **Lê Văn T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026, đối với:

Bị cáo: **Lê Văn T**, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1988 tại Quảng Trị; thẻ CCCD: 044088003266, cấp ngày 09/02/2023; nơi cư trú: **Thôn A H, xã B, tỉnh Quảng Trị**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con **Lê Văn T1**, sinh năm 1956 và bà **Nguyễn Thị Thanh H** (đã chết); có vợ: **Nguyễn Thị V** (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; quá trình nhân thân: Ngày 20/5/2022, bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã B**, tỉnh Quảng Bình xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 30/01/2026, bị **Công an xã B**, tỉnh Quảng Trị xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, có mặt.

Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự anh **Phan Thanh H1** và những người làm chứng anh **Nguyễn Văn H2**, chị **Cao Thị P** nhưng không kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo của bị cáo, nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/10/2025, anh **Phan Thanh H1** đến nhà trọ

của **Lê Văn T** để chơi và uống rượu. Tại đây, anh **H1** và **T** tranh cãi về việc anh **H1** có mượn 150.000 đồng của anh **Nguyễn Văn H2** đã lâu nhưng chưa trả. Khi anh **H1** nói “mượn tiền của ai sẽ trả cho người đó, không liên quan gì đến mi”, thì **T** bức xúc nên lấy tay đập bàn và nói “Không trả tiền, tau đó mi ra khỏi nhà tau” và lấy điện thoại gọi anh **H2** đến nhà **T** để lấy tiền. Một lúc sau, anh **H2** đến thấy **T** và anh **H1** đang tranh cãi việc chưa trả tiền. Lúc này, anh **H1** nói đồng thời đi về nhà lấy tiền để trả cho anh **H2**, nhưng do không đủ tiền nên anh **H1** đi mua 10 lon bia Huda rồi quay lại nhà **T** để uống. **T** cho rằng anh **H1** không giữ lời hứa nên bức xúc, **T** đi ra bếp lấy 01 con dao rồi quay lại phòng khách đe dọa và giảng co với anh **H1** thì được anh **H2** và chị **Cao Thị P** can ngăn. Một lúc sau, trong lúc anh **H1** đang quay lưng lại với mình thì **T** cầm dao đâm 01 nhát phía sau lưng, làm anh **H1** bị thương và được điều trị tại **Bệnh viện T2**.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 177/KLTTCT-TTPYT ngày 16/12/2025 của **Trung tâm pháp y tỉnh Q**, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Phan Thanh H1** tại thời điểm giám định là 08%; Vật gây thương tích do vật sắc nhọn gây ra; Tính chất thương tích vết thương vùng lưng trái ngang gian sườn VIII-IX thấu ngực trái gây nguy hiểm cho tính mạng nếu không được cấp cứu và điều trị kịp thời.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 con dao dài 40 cm, làm bằng kim loại, phần lưỡi dao dài 27,1 cm, bản rộng 05 cm, dày nhất 0,5 cm, có một cạnh sắc, mũi nhọn, tay cầm bằng gỗ dài 12,9 cm, đường kính rộng nhất 3,6 cm, hai đầu tay cầm được bọc vòng kim loại.

Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự anh **Phan Thanh H1** và bị cáo **Lê Văn T** đã thỏa thuận về trách nhiệm dân sự, bị cáo **T** đã bồi thường cho anh **H1**, số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), hiện anh **Phan Thanh H1** không có yêu cầu gì thêm.

Anh **H1** đã có đơn yêu cầu không khởi tố đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của **Lê Văn T**. Theo đó, ngày 29/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” và quyết định tách nguồn tin về tội phạm đối với hành vi “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” đối với **Lê Văn T**.

Kết luận giám định số 1595/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh Q**, kết luận: Con dao gửi giám định là dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5, “Danh mục dao có tính sát thương cao” tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của **Bộ C1**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 304, các điểm b, s, khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Lê Văn T**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2026, bị cáo **Lê Văn T** có đơn kháng cáo với lý do hình phạt quá nặng mong muốn Tòa phúc thẩm sửa đổi hay hủy bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Lê Văn T** khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và Bản án sơ thẩm đã quyết định và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo và được cải tạo giáo dục tại địa phương để có điều kiện chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 304; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 12 (mười hai) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa đến việc xem xét giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị; kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và ý kiến bị cáo được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/7/2026, bị cáo **Lê Văn T** có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị. Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo về người kháng cáo, thời hạn, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự anh **Phan Thanh H1** và những người làm chứng anh **Nguyễn Văn H2**, chị **Cao Thị P** nhưng không có kháng cáo, kháng nghị, họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên thấy cần thiết có thể công khai tại phiên tòa. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm và không liên quan đến kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quyết định. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra,

lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng, kết luận giám định, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/10/2025, tại nhà ở của bị cáo, do mâu thuẫn cãi nhau về việc anh **Phan Thanh H1** có mượn 150.000 đồng của anh **Nguyễn Văn H2** đã lâu nhưng chưa trả mà bị cáo đã cố ý dùng 01 con dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5, “Danh mục dao có tính sát thương cao” là vũ khí quân dụng theo quy định tại điểm d khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 và Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của **Bộ C1** gây thương tích cho anh **H1**, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, làm hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Văn T**, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả đầy đủ cho nguyên đơn dân sự. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo còn thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích” bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa đến việc xem xét giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn T**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo bị cáo **Lê Văn T** không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 2 Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 304; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn T**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Lê Văn T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Quảng Trị;
- CQĐT; VKS; TAND khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Vụ GDKT 1 TAND tối cao;
- Bị cáo, những người TGTT;
- Lưu HSVA; VP HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Viết Hải